

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THỦY
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/DS-ST

Ngày: 22 - 10 - 2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thúy Nguyên

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông: Nguyễn Việt Thành;

2/ Ông: Trần Q1 Hồng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Thạch Thị Thi – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Ngày 22 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 514/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Văn N, sinh năm 1965.

Đại diện ủy quyền: bà Nguyễn Bích T, sinh năm 1972 – văn bản ủy quyền ngày 12/11/2020. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số Q đường QQ, khu vực QQ, phường QQQQ, quận QQQQQ, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: 1. Chị Lê Thị T1, sinh năm 1984. Vắng mặt.

2. Anh Lê Hữu Q1, sinh năm 1980. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số W đường WW, phường QQQQ, quận QQQQQ, Tp Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2020 và quá trình tham gia tố tụng – đại diện ủy quyền nguyên đơn chị Nguyễn Bích T trình bày: Do nhu cầu cần vốn kinh doanh nên vợ chồng anh Lê Hữu Q1 và chị Lê Thị T1 có mượn ông Bùi Văn N số tiền. Cụ thể: ngày 20/4/2017 mượn 200.000.000 đồng và ngày 09/8/2018 tiếp tục mượn 200.000.000 đồng. Anh Q1, chị T1 đã trả được 142.500.000 đồng. Hiện tại, anh Q1, chị T1 còn nợ 257.500.000 đồng. Do anh Q1, chị T1 hứu hẹn nhiều lần nhưng không trả nên nguyên đơn ông N có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn anh Q1, chị T1 phải có trách nhiệm trả ông N số nợ còn thiếu là 257.500.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 05/01/2021 và quá trình tố tụng bị đơn chị Lê Thị T1 trình bày: Vào ngày 20/4/2017 thừa nhận có mượn của nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng và đóng lãi suất 10.000.000 đồng/tháng. Ngày 01/7/2018 chị T

có chơi 01 phần hui của chị T1 và chị T đã hốt chân hui của chị T1 được 84.800.000 đồng, chị T1 bù thêm 15.200.000 đồng nên tổng cộng trả được 100.000.000 đồng; sau đó có trả thêm một phần và hiện số tiền còn nợ lại là 257.500.000 đồng, chị thống nhất với số tiền trên và đồng ý trả cho nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn anh Q1 vào các ngày 25/02/2021, ngày 26/5/2021 và ngày 17/6/2021 để hòa giải, tự khai và tiếp cận, công khai chứng cứ tại tòa, nhưng bị đơn anh Q1 vắng mặt không lý do.

Do đó, vụ án không tiến hành hòa giải được nên đưa ra xét xử theo qui định chung.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. lý do: tình hình dịch bệnh nên chị T đang bị cấm trại tại đơn vị, nên chị xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Bị đơn chị T1 thừa nhận còn nợ nguyên đơn ông N số tiền 257.500.000 đồng. Quá trình thực hiện giao dịch, phía chị T1, anh Q1 không thực hiện theo đúng thỏa thuận nên nguyên đơn có đơn khởi kiện, xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đại diện ủy quyền nguyên đơn chị T có đơn xin vắng mặt. Bị đơn chị T1, anh Q1 được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa sơ thẩm vào các ngày 13/7/2021; ngày 27/7/2021 và ngày 22/10/2021 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ theo qui định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn chị T1, anh Q1.

[2] *Xét giao dịch dân sự:*

Tại biên bản tự khai ngày 05/01/2021 và tại biên bản hòa giải ngày 25/02/2021 bị đơn chị T1 thừa nhận có mượn tiền nguyên đơn và hiện còn nợ lại số tiền 257.500.000 đồng, có viết, ký vào biên nhận nợ ngày 24/4/2020 và ngày 20/4/2017. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, có căn cứ xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có thiết lập hợp đồng vay tài sản là sự thật.

[3] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

Nguyên đơn anh N khởi kiện yêu cầu bị đơn chị T1, anh Q1 trả số tiền vốn 257.500.000 đồng; Không yêu cầu tính lãi suất.

Căn cứ vào các biên nhận nợ ngày 24/4/2020, ngày 20/4/2017 và lời thừa nhận của bị đơn chị T1 tại biên bản tự khai đề ngày 05/01/2021 và biên bản hòa giải ngày 25/02/2021.

Đối với bị đơn anh Q1 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tự khai, hòa giải và công khai chứng cứ tại Tòa án, nhưng anh Q1 vẫn vắng mặt, không lý do. Mặc dù, chị T1 (vợ anh Q1) đã nhận đầy đủ các thông báo, giấy triệu tập và giao lại anh Q1. Nên HĐXX sẽ căn cứ vào lời khai của chị T1 và căn cứ vào các biên nhận nợ

do bị đơn anh Q1 ký tên. Do đó, yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là 257.500.000 đồng của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận. Về lãi suất không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí. Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn mà Tòa án đã chấp nhận.

Bởi các lẽ trên, Hội đồng xét xử.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: - Khoản 3 Điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 264 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, 466, 357 và điểm b khoản 1 Điều 689 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Nghị quyết 326/2016-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn N về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn chị Lê Thị T1 và anh Lê Hữu Q1.

2. Buộc bị đơn anh Lê Hữu Q1 và chị Lê Thị T1 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Bùi Văn N số tiền là 257.500.000 đồng (*hai trăm năm mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

3. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 357 Bộ Luật dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn anh Q1, chị T1 phải chịu 12.875.000 đồng (*mười hai triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*). Nguyên đơn được nhận lại 6.437.500 đồng (*sáu triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) theo biên lai thu số 004981 ngày 29/12/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định, để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.BT;
- Chi cục THADS Q.BT;
- TAND TP.CT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Phan Thúy Nguyên

